

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 13-11-2025

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly
hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Châu và ông Lưu Hữu Giàu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Phan Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Ông Dương Quy Thái- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2025/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*”.

Do, Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 33/2025/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2025/QĐXXPT-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị N năm 1986

Căn cước công dân số 089186024620 ngày 09/8/2021; địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp P, xã P (trước là huyện A), tỉnh An Giang

2. Bị đơn: Ông Cao Văn H năm 1984

Căn cước công dân số 089084019873 ngày 10/01/2025; địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp P, xã P (trước là huyện A), tỉnh An Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Cao Văn H1

Các đương sự có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

** Nguyên đơn bà Trương Thị N1 trình bày:* Hôn nhân giữa bà và ông Cao Văn H2 tự tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý và tiến tới hôn nhân năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là xã P), tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 190 ngày 29/8/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm đã không còn, hôn nhân không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông H

Về con chung: Bà N và ông H16 03 con chung gồm: Cao Văn H3 H1sinh năm 2010; Trương Hoàng M năm 2012 và Cao Thị Ngọc Á ngày 16/02/2016. Hiện nay cháu M2 sống cùng với bà N2 cháu H1và cháu A sống cùng với ông H Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu ông H4 cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Cao Văn H1 có ý kiến trình bày thể hiện nội dung:* Hôn nhân giữa ông và bà N3 tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý và tiến tới hôn nhân năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P trình bày của bà N. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà N4 mối quan hệ với người đàn ông khác ở bên ngoài và bà N3 ý bỏ nhà ra đi từ tháng 02/2024 cho đến nay. Nay, ông vẫn còn thương vợ con, ông yêu cầu được đoàn tụ để về chung sống lại với nhau nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trương Thị N1

Về con chung: Ông và bà N4 03 con chung như lời bà N5 bày và hiện nay cháu H1và Á đang sống cùng với ông, cháu M sống cùng với bà N khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu bà N6 cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Ông và bà N3 thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 33/2025/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - An Giang, đã quyết định:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N1

Về hôn nhân: Bà Trương Thị N1 được ly hôn với ông Cao Văn H5

Về con chung: Ông Cao Văn H6 tiếp tục nuôi hai con chung là Cao Văn H3 H1sinh năm 2010 và Cao Thị Ngọc Á ngày 16/02/2016.

Bà Trương Thị N1 được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trương Hoàng M năm 2012.

Bà Trương Thị N7 ông Cao Văn H7 phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà N7 ông H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà N7 ông H8 việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

+ Ngày 20 tháng 8 năm 2025, bị đơn ông Cao Văn H1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 33/2025/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - An Giang.

* Tại phiên tòa:

+ Ông Cao Văn H1 xác định giữ yêu cầu kháng cáo về nội dung thỏa thuận tài sản, nợ giữa ông bà chưa rõ ràng và mặc dù bà N1 có người khác bên ngoài nhưng vì con chung ông vẫn bỏ qua do vẫn còn tình cảm muốn hàn gắn với bà N8 cùng lo cho các con, ông không đồng ý ly hôn.

+ Bà Trương Thị N9 cương quyết yêu cầu giải quyết ly hôn bà không đồng ý hàn gắn đoàn tụ cũng với ông H

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Cao Văn H1, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 33/2025/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Cao Văn H1 kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm theo Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.1] Bị đơn xác định giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới;

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Cao Văn H1, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Giữa bà Trương Thị N7 ông Cao Văn H1 thống nhất về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 29/8/2016. Thời gian phát sinh mâu thuẫn, các bên không thể hàn gắn mâu thuẫn, bà N10 giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Hồng H9 đồng ý ly hôn, với lý do ông vẫn còn tình cảm với bà N11 yêu cầu được hàn gắn đoàn tụ để về chung sống lại với nhau chăm lo cho con chung không đồng ý ly hôn.

[2.2] Đối với nội dung về quan hệ hôn nhân, ông H cho rằng giữa vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn, ông H10 còn tình cảm không đồng ý ly hôn với bà N9 Tại phiên tòa, ông H11 định thời gian sống ly thân nhưng hai bên không thể hàn gắn, ông H12 bày thời gian qua bà N12 tạo điều kiện cho ông, ông H13 không đưa ra được giải pháp hàn gắn đối với bà N13 quyết yêu cầu ly hôn không đồng ý hàn gắn cùng với ông H14 đồng ý xét xử nhận thấy hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, bà N12 đồng ý tiếp tục sống cùng với ông H5 Bà N7 ông H9 còn sự quan tâm, vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ với nhau, cũng như không có giải pháp nhằm hàn gắn, duy trì cuộc hôn nhân. Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N14 với ông H15 có căn cứ

[3] Về con chung: Thời gian chung sống bà Nông H16 03 con chung tên Cao Văn H3 H1 sinh ngày 18/01/2010; Trương Hoàng M ngày 06/11/2012 và Cao Thị Ngọc Á ngày 16/02/2016. Hiện cháu Hoàng M2 sống cùng bà Ncháu H17 H1 và cháu Ngọc Á1 sống cùng ông H

[3.1] Từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung đến nay, cháu Hoàng M2 sống cùng bà N và cháu M3 nguyện vọng tiếp tục được bà N15 sóc nuôi dưỡng. Cháu H17 H1 cháu Ngọc Á1 sống cùng ông H18 có nguyện vọng sống cùng ông H

[3.2] Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào sự phát triển ổn định về tâm, sinh lý của con chung và nguyện vọng của các cháu không làm thay đổi và xáo trộn về cuộc sống nên cấp sơ thẩm giao cháu Hoàng M4 bà N7 giao cháu H17 H1 cháu Ngọc Á cho ông H6 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và nguyện vọng của con chung mong muốn sống với bà N9, ông H

[4] Về tài sản chung bà N7 ông H19 thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân ông bà đều trình bày không có yêu cầu giải quyết nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H kháng C nhưng không cung cấp được chứng cứ mới, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Cao Văn H1 là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó yêu cầu kháng cáo của ông H15 không có

căn cứ để chấp nhận. Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do, yêu cầu kháng cáo của ông Cao Văn H1 không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Cao Văn H1;

Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 33/2025/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - An Giang;

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N1

- Về hôn nhân: Bà Trương Thị N1 được ly hôn với ông Cao Văn H5

- Về con chung: Ông Cao Văn H6 tiếp tục nuôi hai con chung là Cao Văn H3 H1 sinh năm 2010 và Cao Thị Ngọc Á ngày 16/02/2016.

Bà Trương Thị N1 được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trương Hoàng M năm 2012.

Bà Trương Thị N7 ông Cao Văn H7 phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà N7 ông H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà N7 ông H8 việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm:

Bà Trương Thị N1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016100 ngày 20/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 – An Giang) bà N16 nộp đủ.

Ông Cao Văn H1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

2.2. Án phí phúc thẩm: Ông Cao Văn H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông H đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001118 ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15-An Giang. Ông H đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa Dân sự;
- VKSND tỉnh AG;
- Phòng GDKT,TT&THA;
- TAND Khu vực 15-An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 15-An Giang;
- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại TP.HCM;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Trịnh Ngọc Thúy